

Số: 64/2019/QĐST-HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2019/TLST-VHNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Diệp Thị V, sinh năm 1960; quốc tịch Việt Nam.

Hộ khẩu thường trú: 28/10H, đường L, phường 2, thành phố VT, tỉnh BR–VT.

Địa chỉ hiện nay: Chung cư 149 Melody HHT, (Block B, Tầng 8, phòng 8), phường TT, thành phố VT, tỉnh BR–VT.

2. Ông DM, sinh năm 1949; quốc tịch Anh; Hộ chiếu số: 761265362;

Tạm trú: 28/10H, đường L, phường 2, thành phố VT, tỉnh BR–VT.

Địa chỉ hiện nay: Chung cư 149 Melody HHT, (Block B, Tầng 8, phòng 8), phường TT, thành phố VT, tỉnh BR–VT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Thị V và ông DM kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 417 ngày 25/12/2007, là hôn nhân hợp pháp. Từ khi kết hôn đến năm 2014, bà V và ông DM chung sống hạnh phúc. Sau thời gian này, hai bên thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Bà V và ông DM cùng

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn giữa Bà Diệp Thị V và ông DM thì thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông DM đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng Bà V và ông DM thống nhất thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 3 năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà Diệp Thị V và ông DM không có con chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Diệp Thị V và ông DM không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Diệp Thị V và ông DM thống nhất mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Thị V và ông DM thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Diệp Thị V và ông DM không có con chung nên Tòa án không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Diệp Thị V và ông DM không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Diệp Thị V và ông DM mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Bà Diệp Thị V và ông DM đã nộp đủ lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007563, TU/2017/0007563 cùng ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B– V;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Sở Tư pháp);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trà My